

## NATIONAL CAREER RANKING



### Vietnam

Points	Athlet	Club / Town	GAL-ID	
1236,16	CHAU Tuyet Van	international	VIE-1514	Photo
1023,96	NGUYEN Thi Le Kim	international	VIE-1517	Photo
1001,20	NGUYEN Dinh Toan	international		
678,65	NGUYEN Thien Phung	international	VIE-1542	
645,21	LE Thanh Trung	international	VIE-1532	
555,45	NGUYEN Thi Thu Ngan	international		
546,38	NGUYEN Minh Tu	international		
474,22	no name - VIE	international		
414,58	LE Tran Kim Uyen	international	VIE-1716	
398,37	NGUYEN Thuy Xuan Linh	international		
376,68	NGUYEN Thi Mong Quynh	international	VIE-1709	
374,72	HUA Van Huy	international	VIE-1922	
357,65	NGO Thi Thuy Dung	international	VIE-1522	
342,06	NGUYEN Thi Kim Ha	international	VIE-1720	
341,42	CHAU Ngoc Tuyet Sang	international	VIE-2030	
340,98	TRAN Ho Duy	international	VIE-1714	
329,38	NGUYEN Kim Phuong	international	VIE-1736	
323,97	HO Thanh An	international	VIE-2153	
322,22	NGUYEN Dinh Khoi	international	VIE-1616	
311,78	LE Anh Minh	international		
303,91	BUI Anh Tuan	international	VIE-1739	

Points	Athlet	Club / Town	GAL-ID
287,98	LIEN Thi Tuyet Mai	international	
275,43	NGUYEN Ngoc Minh Hy	international	VIE-1715
268,94	LE Ngoc Han	international	VIE-1934
242,67	TRAN Dang Khao	international	VIE-1713
230,40	LE Trung Anh	international	
219,09	LE Hieu Nghia	international	
212,72	NGUYEN Thanh Hien Linh	international	VIE-2061
201,89	LE Nhat Hao	international	VIE-2033
201,80	PHAM Quoc Viet	international	VIE-1943
198,11	HA Mi Zah	international	
196,19	NGUYEN Quang Tri	international	VIE-1936
190,78	NGUYEN Quoc Minh	international	
165,48	TA Bao Quang	international	VIE-2218
163,20	NGUYEN Thi Minh Anh	international	VIE-1737
154,67	NGUYEN Bao Gia Huy	international	VIE-2256
148,80	NGUYEN Thi Huyen Dieu	international	
147,34	NGUYEN Phan Khanh Han	international	VIE-1935
139,14	NGUYEN Ho Cam Giang	international	VIE-2248
136,40	NGUYEN Hai Trang	international	VIE-2214
130,96	TRAN Cao Cam Tien	international	VIE-1615
127,58	HUYNH Vi Nghi	international	VIE-2236
125,92	TRAN Tien Khao	international	VIE-2029
125,14	NGUYEN Thanh Trung	international	
120,00	TRINH Kim Han	international	VIE-2235
112,00	VU Thanh Duong	international	
110,93	NGUYEN Duc Thinh	international	VIE-2037
108,02	LAM Minh Quang	international	
94,65	HO Thanh Phong	international	
92,38	NGUYEN Trong Phuc	international	VIE-2220
91,20	NGUYEN Minh Van	international	
90,90	TRAN Le Thanh Uyen	international	
89,05	NGUYEN Van Dang	international	VIE-2031
88,00	CAO Lien Huong	international	
87,55	BUI Thuy Nhi	international	VIE-2154
87,42	NGUYEN Truong Phuoc Dai	international	
76,80	VO Minh Phuc	international	
72,40	PHAM Dang Khanh	international	VIE-2226
64,35	NGUYEN Duc Tri	international	VIE-2293
61,20	NGUYEN Thi Y Binh	international	
55,44	NGUYEN Thai Ha Anh	international	VIE-2419

Points	Athlet	Club / Town	GAL-ID
55,20	DUONG Thi Huynh Mai	international	
54,40	NGUYEN Hoang Hiep	international	VIE-2457
52,00	VO Quang Vinh	international	VIE-2032
49,68	HOANG Van Hieu	international	VIE-1945
48,34	NGUYEN Xuan Thanh	international	
48,00	DAO Thanh Hap	international	VIE-2407
48,00	NGUYEN Khoi Dinh	international	
48,00	TRINH Nguyen Anh Thu	international	VIE-2403
43,60	HO Ngoc Anh Thu	international	
43,58	LAM Hoang Duy	international	VIE-2424
43,20	LE Song Khang	international	VIE-2411
43,20	THOI Thi Minh Thuy	international	
43,20	TRAN Ngoc Bao Nghi	international	VIE-2410
40,00	NGUYEN Hoang Thuy Duong	international	VIE-2249
40,00	TRUNG Thi Thuy	international	
40,00	TRUNG Thranh	international	
39,17	NGUYEN Bao Tong	international	
39,17	NGUYEN The Hien	international	VIE-2397
38,40	BUI Phuc Loc	international	VIE-2434
38,40	NGUYEN Pham Thanh Nguyen	international	VIE-2437
37,47	PHAM To Hoang Anh	international	
35,55	DANG Thi Nguyet	international	VIE-2291
34,37	DANG Thanh Long	international	VIE-2417
32,40	HOANG Thi Tra My	international	VIE-2315
31,89	NGUYEN Thi Hong Trang	international	VIE-1937
29,03	NGUYEN Thi Thuy Trang	international	
28,80	TRAN Thanh Khanh Bang	international	VIE-2486
26,29	NGUYEN Quang Phuc	international	
25,34	NGUYEN Thi My Ha	international	VIE-2420
24,00	HUYNH Thi Bich Ngoc	international	
24,00	LE Thanh Phuoc	international	
24,00	NGUYEN Truong Hoang	international	
24,00	PHAM Thi Hong Lam	international	
21,60	TRUONG Pham Phuong Khanh	international	VIE-2009
20,00	NGUYEN Bui Nhu Y	international	
20,00	NGUYEN N.	international	
20,00	NGUYEN T.	international	
20,00	TRAN D.	international	
17,34	MAO Thi Hong Nhung	international	VIE-2289
15,76	NGUYEN Hoang Phuong Trang	international	

Points	Athlet	Club / Town	GAL-ID
15,55	DO Thai Duong	international	
15,12	LUU Quyen Phuoc	international	
15,11	PHAN Nguyen Ngoc Hanh	international	VIE-2222
14,40	FATHURRAHMAN Muhammad Nadi	international	
14,40	JANEETA Naylana Khansa	international	
14,40	TRUONG Vinh Khang	international	VIE-2423
14,40	VO Thi Huynh Nhu	international	VIE-2435
13,60	NGO V.	international	
12,00	CHAU Toan Y	international	VIE-2223
12,00	NGO Van Thong	international	VIE-2179
12,00	NGUYEN Van Cong	international	
10,37	LE Nghia Hieu	international	
10,37	NGUYEN Van Truong	international	
10,00	NGUYEN Thi My Ngoc	international	
9,60	PHAM Hoang Minh	international	
8,78	NGUYEN Ngoc Tuong Vy	international	VIE-2036
7,20	LUU Hoang Phi	international	VIE-2219
7,20	NGUYEN Bui Quoc Vinh	international	
7,20	NGUYEN Huynh Truc Chi	international	
7,20	NONG Thach Khiem	international	VIE-2217
6,41	TRAN Minh Tri	international	
6,22	NGUYEN Thi Thu Thuy	international	
6,22	VU Dinh Hoang Tung	international	
6,00	CU Thi Hong Tuoi	international	VIE-2221
6,00	DANG Thi Truc Hao	international	
6,00	NGUYEN Duong Ngoc Han	international	VIE-2233
6,00	NGUYEN Thanh Dat	international	
6,00	NGUYEN Thi Bao Tran	international	
6,00	NGUYEN Thi Bich Phuong	international	
6,00	NGUYEN Thi Hao Tam	international	VIE-2215
6,00	TRINH Duc Vinh	international	
3,60	CHAU Kim Loan	international	
3,60	DIEP Ngoc Phuc Anh	international	
3,60	HUA Gia Huy	international	
3,60	NGUYEN Hoang Lan Anh	international	
3,60	PHAM Lai Hy	international	
3,60	TA Hong Bao	international	VIE-2027
3,11	DANG Dieu Vinh	international	
3,11	LI Tan-Yi Li	international	TPE-3771
2,24	NGUYEN Tu Minh	international	VIE-1518

<b>Points</b>	<b>Athlet</b>	<b>Club / Town</b>	<b>GAL-ID</b>
2,24	NGUYEN Van Minh	international	VIE-1545
1,34	DO Thi Luyen	international	
1,34	NGOC Doan Hong	international	
1,34	NGUYEN	international	
1,34	NGUYEN Van Binh	international	
1,12	VO Thu Huyen	international	VIE-2433
0,34	DAO Tu Anh	international	
0,34	DO Phuong Ha	international	
0,34	LE Anh Hao	international	
0,34	NGHIEM Phu Hien	international	
0,34	NGUYEN Huynh Quoc Bao	international	VIE-2026
0,34	NGUYEN T	international	
0,34	TRAN H.	international	